

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/KDTM-ST

Ngày: 18/9/2017

V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-KDTM ngày 19/4/2017 về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2017/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B

Trụ sở: 45A Nguyễn Văn T, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Hồ T (Văn bản uỷ quyền ngày 149/GUQ-CTY ngày 13/3/2017)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng K

Trụ sở: Đường S, khu phố H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị H (Văn bản uỷ quyền số 02.2017/UQ/KT ngày 21/8/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2017, bản tự khai ngày 09/6/2017 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/6/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B (sau đây gọi tắt là: Công ty B) có người đại diện theo uỷ quyền là ông Đỗ Hồ T trình bày:

Vào ngày 25/4/2016, Công ty B có ký với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng K (sau đây gọi tắt là: Công ty K) hợp đồng cho thuê công cụ,

dụng cụ, thiết bị xây dựng số: 08/4/HĐCT. Nội dung của hợp đồng thoả thuận như sau:

Công ty B cho Công ty K thuê công cụ, dụng cụ, thiết bị xây dựng để thi công công trình xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Đơn giá thuê được quy định trong hợp đồng và không thay đổi trong quá trình thực hiện. Số lượng và chủng loại thiết bị thực thuê căn cứ trên phiếu xuất kho của Công ty B do bên Công ty K ký nhận. Thời gian thuê tính từ ngày Công ty K nhận được thiết bị thuê cho đến khi trả lại thiết bị cho Công ty B. Thời hạn thanh toán tiền thuê trong vòng 15 ngày tính từ ngày bên Công ty B xuất hoá đơn. Công ty K đặt cọc cho Công ty B số tiền 49,000,000 đồng và số tiền này được hoàn trả khi thực hiện xong hợp đồng.

Hợp đồng thuê được các bên thực hiện từ ngày 23/4/2016 nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền thuê nào. Nay Công ty B yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ là 26,874,520 đồng, bao gồm:

+ Tiền thuê tài sản tạm tính đến ngày 09/3/2017 là 61,657,740 đồng, sau khi trừ đi 49,000,000 đồng tiền cọc thì số tiền còn lại phải thanh toán là: 12,657,740 đồng.

+ Tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 16/6/2016 đến ngày 09/3/2017 trên số dư nợ 58,937,831 với mức lãi suất quá hạn 1,25%/tháng ($10\%/năm \times 150\%$) là: 6,120,200 đồng.

+ Tiền bồi thường thiết bị: 8,096,580 đồng.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/8/2017 cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản tính từ ngày giao tài sản đến ngày 18/9/2017 là 74,174,81 đồng, sau khi trừ đi 49,000,000 đồng tiền cọc thì số tiền còn lại phải thanh toán là: 25,174,811 đồng.

Nguyên đơn xác định có sự thay đổi yêu cầu về mức lãi suất làm căn cứ tính lãi suất chậm trả và phương thức đòi tài sản thuê, cụ thể là: Nếu như trước đây nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất là quá hạn 1,25%/tháng thì nay chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất quá hạn là 0,9375%/tháng, tính đến ngày 18/9/2017 thì số tiền lãi chậm thanh toán là 8,163,300 đồng; nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản, tiền lãi do chậm thanh toán và trả các tài sản thuê trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu hết thời hạn trên mà bị đơn không trả lại tài sản thuê thì phải bồi thường số tiền 7,877,880 đồng.

* Bị đơn Công ty K đã được Toà án tổng đạt hợp lệ để tham gia tố tụng tại Toà án vào các ngày ngày 27/6/2017, ngày 02/8/2017 nhưng đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bị đơn được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản, phát sinh giữa hai tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty K có trụ sở tại địa chỉ Đường S, khu phố H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản số 3833/PĐKKD-KT ngày 12/5/2017 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

Căn cứ vào hợp đồng cho thuê công cụ, thiết bị xây dựng số 08/4HĐCT ngày 25/4/2016 được ký kết giữa Công ty B với Công ty K và các phiếu xuất kho; phiếu nhập kho công cụ, dụng cụ thi công; biên bản đối chiếu công nợ cho thuê thiết bị thi công có cơ sở để khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ cho thuê tài sản.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/8/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có sự thay đổi về yêu cầu khởi kiện, cụ thể là mức lãi suất làm căn cứ tính lãi chậm trả và phương thức đòi tài sản thuê. Nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản tính đến ngày 18/9/2017 là 74,174,811 đồng, sau khi trừ đi 49,000,000 đồng tiền cọc thì số tiền còn lại phải thanh toán là: 25,174,811 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng cho thuê công cụ, thiết bị xây dựng số 08/4HĐCT đã được các bên thực hiện từ ngày 23/4/2016. Ngày 25/7/2016, hai bên đã tiến hành việc đối chiếu công nợ. Nội dung biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty K còn nợ Công ty B số tiền thuê tài sản là 58,937,831 đồng và 09 loại công cụ, thiết bị (có

số lượng cụ thể). Sau đó, Công ty K có trả thêm cho Công ty B một số công cụ nhưng tính đến ngày xét xử hôm nay thì bị đơn hiện còn nợ các công cụ sau:

1. 01 cây chống cam dài 4,0m
2. 20 cái chân đế fi 32 x 0,5m
3. 04 cặp chéo giàn giáo 1,96m
4. 78 con chốt coffa thép
5. 05 tấm coffa 200 x 1200 x 6F
6. 16 tấm coffa 300 x 1000 x 6F
7. 11 khung giàn giáo 1,7m
8. 10 cái kích U fi 32 x 0,5m

Do bị đơn không thanh toán tiền thuê tài sản và cũng không trả tài sản thuê nên tiền thuê tài sản được nguyên đơn tính từ thời điểm giao tài sản cho đến phiên xử ngày hôm nay trên số tài sản thực tế chưa trả với số tiền thuê là 74,174,811 đồng. Sau khi trừ đi 49.000.000 đồng tiền cọc thì số tiền thuê còn lại mà Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: 25,174,811 đồng. Việc Công ty B tính tiền thuê như trên là phù hợp với sự thoả thuận của các bên trong hợp đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tiền thuê tài sản tính từ ngày 16/6/2016 đến ngày 18/9/2017 với số tiền là: 8,163,300 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã xuất 03 hoá đơn giá trị gia tăng đó là: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0006666 ngày 31/5/2016 với số tiền 29,904,718 đồng, hoá đơn số 0006718 ngày 30/6/2016 với số tiền 16,852,351 đồng và hoá đơn số 0007391 ngày 30/7/2016 với số tiền 12,180,762 đồng. Tổng số tiền của 03 hoá đơn là: 58,937,831 đồng. Do Công ty K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty B đã tính lãi chậm trả dựa trên số tiền thực nợ của từng hoá đơn, mức lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn 0.9375%/tháng (tức 7,5%/năm x 150%) và thời gian tính lãi suất chậm trả là sau 15 ngày, kể từ ngày nguyên đơn xuất hoá đơn, tính đến ngày xét xử thì số tiền là 8,163,300 đồng.

Việc nguyên đơn tính lãi chậm trả phù hợp với sự thoả thuận của các bên theo Điều 5 của hợp đồng cho thuê công cụ, thiết bị xây dựng số 08/4HĐCT ngày 25/4/2016, phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương cung cấp theo Công văn số 378/BIDV.NBD.QLRR ngày 14/7/2017, không trái với quy định của pháp luật theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Ngoài việc yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, tiền lãi chậm thanh toán, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ giao trả 08 loại công cụ, thiết bị còn giao thiếu. Thời gian yêu cầu thanh toán tiền thuê tài sản, tiền lãi chậm trả và giao tài sản thuê là 01 tháng, tính từ ngày bản án có hiệu

lực pháp luật. Hết thời gian 01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty K không có tài sản để giao trả thì phải trả bằng tiền theo đơn giá bồi thường trong hợp đồng với số tiền là 7,877,880 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại mục 5.4 Điều 5 của của hợp đồng cho thuê công cụ, dụng cụ, thiết bị xây dựng số 08/4/HĐCT ngày 25/4/2016 các bên có thỏa thuận nội dung bên cho thuê được quyền yêu cầu thu hồi tài sản thuê trong trường hợp bên thuê vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Công ty K chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là căn cứ phát sinh quyền được đòi lại tài sản cho thuê của nguyên đơn và thời gian nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải giao trả 08 loại công cụ, thiết bị còn giao thiếu trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn hợp lý.

Trường hợp Công ty K không có tài sản để giao trả đúng thời hạn thì Công ty B yêu cầu phải bồi thường bằng tiền là 7,877,880 đồng.

Công ty B giải thích có sự chênh lệch về số tiền yêu cầu bồi thường tại đơn khởi kiện và tại phiên toà hôm nay, cụ thể là tại đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường số tiền 8,096,580 đồng, nay giảm xuống còn 7,877,880 đồng là vì: Thực tế Công ty K còn nợ nguyên đơn 8 loại công cụ, thiết bị. Trong 08 loại công cụ trên có 1 cây chống cam dài 4,0m không nằm trong danh mục các công cụ, dụng cụ cho thuê theo Điều 1 của hợp đồng cho thuê công cụ, dụng cụ, thiết bị xây dựng số 08/4/HĐCT ngày 25/4/2016 nên không xác định được đơn giá bồi thường. Vì vậy, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải bồi thường bằng tiền đối với tài sản này. Nguyên đơn xác định rõ yêu cầu bị đơn phải trả 08 loại công cụ, dụng cụ còn giao thiếu. Trường hợp không trả được bằng hiện vật thì trả bằng tiền là 7,877,880 đồng.

Số tiền yêu cầu bồi thường được nguyên đơn tính căn cứ trên công cụ, dụng cụ mà thực tế bị đơn chưa giao trả cho nguyên đơn. Đơn giá tính bồi thường bằng 90% giá trị thiết bị nêu tại Điều 1 của hợp đồng cho thuê công cụ, dụng cụ, thiết bị xây dựng số 08/4/HĐCT ngày 25/4/2016. Thực ra, đơn giá bồi thường trên chỉ áp dụng khi xảy ra mất mát tài sản. Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, ngoài các chứng cứ do Công ty B giao nộp cho Toà án, Công ty K không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định được các tài sản mà bị đơn chưa giao trả có bị mất mát hay không. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty B, buộc bị đơn phải bồi thường số tiền 7,877,880 đồng trong trường hợp không có tài sản để giao trả đúng hạn cho nguyên đơn.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty K phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B.

Công ty B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 489, 490 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B các khoản tiền sau:

+ Tiền thuê tài sản còn nợ: 25,174,811 đồng.

+ Tiền lãi do chậm thanh toán: 8,163,300 đồng.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B các tài sản sau:

1. 01 cây chống cam dài 4,0m

2. 20 cái chân đế fi 32 x 0,5m

3. 04 cặp chéo giàn giáo 1,96m

4. 78 con chốt coffa thép

5. 05 tấm coffa 200 x 1200 x 6F

6. 16 tấm coffa 300 x 1000 x 6F

7. 11 khung giàn giáo 1,7m

8. 10 cái kích U fi 32 x 0,5m

Thời hạn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài sản, tiền lãi do chậm thanh toán và trả các tài sản thuê là 01 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Hết thời hạn 01 tháng nêu trên, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng K không giao trả đủ 08 loại tài sản thuê nêu trên tương ứng với số lượng, chủng loại cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B thì phải bồi thường số tiền là 7,877,880 đồng.

Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2,060,800 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3,000,000 đồng theo biên lai thu số 0015197 ngày 19/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Xây dựng K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Minh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 107/2017/QĐ-SCBSBA

Thủ Đức, ngày 28 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong Bản án số 58/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B
Trụ sở: 45A Nguyễn Văn T, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.
- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng K
Trụ sở: Đường S, khu phố H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 58/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Tại dòng 12, trang 7 từ trên xuống của quyết định có ghi: “án phí sơ thẩm là 2,060,800 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ ...”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

Tại dòng 12, trang 7 từ trên xuống của quyết định ghi: “án phí sơ thẩm là 3,000,000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ ...”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THA DS Q.Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ tại Toà án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Minh

